

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-ST
Ngày: 19-7-2023
V/v “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Rê

Ông Phạm Văn Ven

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Trần D - Sinh năm 1990 - Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đ2 (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Lê Văn H - Sinh năm 1969 (Vắng mặt).

2.2 Bà Cao Thị Mộng T - Sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đ1, tỉnh Đ2.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hạnh T - Sinh năm 1990 - Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đ2 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24-5-2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02-3-2023, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Võ Trần D trình bày và yêu cầu: Ngày 26-9-2022, qua giới thiệu

của bà Nguyễn Thị Hạnh T (vợ ông D) ông D có cho ông H vay 200.000.000 đồng, lãi suất 1,66%/tháng. Thời hạn vay 01 tháng. Mục đích vay để ông H làm thủ tục đáo hạn ngân hàng (trả tiền vào Ngân hàng rồi vay lại). Nhưng từ khi vay đến nay, ông H không trả tiền gốc và tiền lãi cho ông D. Ông D yêu cầu ông H và bà T trả cho ông D 200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 27-9-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (19-7-2023) theo lãi suất 1,66%/tháng là 32.314.666 đồng.

Theo bản tự khai ngày 04-5-2023, các văn bản tiếp theo, bị đơn là ông Lê Văn H khai: có vay của ông D 200.000.000 đồng. Mục đích vay để đáo hạn ngân hàng là nợ chung của ông H và vợ là Cao Thị Mộng T. Ông H đồng ý cùng bà Mộng T trả nợ cho ông D nhưng hiện vợ chồng ông H đang mâu thuẫn nên bà T không hợp tác cùng ông H trả nợ.

Theo bản tự khai ngày 24-5-2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hạnh T trình bày: đồng ý toàn bộ phần trình bày của ông D, không có yêu cầu độc lập với ông D hay ông H, bà Mộng T.

- Ông H, bà Mộng T vắng mặt tại phiên tòa, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: việc vay tiền giữa ông D và ông H được lập thành hợp đồng văn bản. Mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của ông D về số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 32.314.666 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Võ Trần D khởi kiện ông Lê Văn H và bà Cao Thị Mộng T yêu cầu trả 200.000.000 đồng đã vay và tiền lãi phát sinh nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Ông H, bà T cư trú tại huyện Đ1, tỉnh Đ2 nên thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Theo đơn khởi kiện và biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ thì nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự không xuất

trình, giao nộp bổ sung thêm chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ để xét xử vụ án.

[3]. Về tố tụng: Bà Hạnh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông H và bà Mộng T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4]. Về nội dung yêu cầu: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: ngày 26-9-2022, ông Lê Văn H ký hợp đồng vay tiền của ông Võ Trần D với số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay để đáo nợ ngân hàng. Lãi suất thỏa thuận 1,66%/tháng. Hiện nay ông H chưa trả tiền gốc và lãi cho ông D. Ông H và bà T vẫn là vợ chồng và mục đích vay để đáo hạn ngân hàng là quyền sử dụng đất chung của vợ chồng nên ông D yêu cầu ông H và bà T phải trả cho ông D 200.000.000 đồng tiền gốc vay là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy cần buộc ông H và bà Mộng T phải trả cho ông D 200.000.000 đồng.

[5]. Về lãi suất: Ông D yêu cầu lãi suất 1,66% tính từ ngày 27-9-2022 đến ngày đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19-7-2023) theo lãi suất 1,66%/tháng là 9 tháng 22 ngày thành tiền 32.314.666 đồng là phù hợp quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Vì vậy cần buộc ông H và bà Mộng T phải trả cho ông D 32.314.666 đồng tiền lãi.

[6]. Với những nhận định trên thì đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của ông D được chấp nhận nên ông H và bà Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.615.733 đồng (cách tính: 232.314.666 đồng x 5%) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Ông D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Trần D đối với ông Lê Văn H và bà Cao Thị Mộng T về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Lê Văn H và bà Cao Thị Mộng T phải trả cho ông Võ Trần D tổng cộng 232.314.666 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu, ba trăm mười bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) gồm 200.000.000 đồng tiền gốc và 32.314.666 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Lê Văn H và bà Cao Thị Mộng T phải chịu 11.615.733 đồng (mười một triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Võ Trần D 5.415.000 đồng (năm triệu, bốn trăm mười lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001298 ngày 11-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên